

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN “XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÂM CANH TĂNG VỤ,
NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI 3 XÃ VÙNG VEN
THỊ XÃ BẮC NINH VÀ XÃ ĐỒNG NGUYÊN-HUYỆN TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH”**

BẮC NINH THÁNG 5/2002

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN “XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÂM CANH TĂNG VỤ,
NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI 3 XÃ VÙNG VEN
THỊ XÃ BẮC NINH VÀ XÃ ĐỒNG NGUYÊN-HUYỆN TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH”**

BẮC NINH THÁNG 5/2002

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÔNG THÔN
MIỀN NÚI TỈNH BẮC NINH

1. Tên dự án: *Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh và xã Đồng Nguyên-huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.*

2. Cấp quản lý: *Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường*

3. Thời gian thực hiện: *2 năm (12/1999-12/2001)*

4. Cơ quan chủ quản: *Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh*

5. Cơ quan chủ trì: *Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Ninh*

6. Chủ nhiệm dự án: *Nguyễn Đình Võ-Phó Giám đốc Sở*

Địa chỉ: *Đường Nguyễn Đăng Đạo-thị xã Bắc Ninh-Tỉnh Bắc ninh*

Điện thoại: 0241.826.292 – 0241.822.422

7. Cơ quan chuyển giao:

-Viện Cơ điện Nông nghiệp-Bộ NN&PHNT

-Trạm Nghiên cứu Cải tạo đất bạc màu Hà Bắc

8. Cơ quan phối hợp thực hiện:

-UBND thị xã Bắc Ninh

-UBND huyện Từ Sơn

9. Kinh phí thực hiện: *Tổng kinh phí 938,48 triệu đồng*

Trong đó: -Kinh phí SNKH TW: 520,00 triệu đồng

-Kinh phí của viện cơ điện: 8,00 triệu đồng

-Của nhân dân: 410,48 triệu đồng

Phần I:

NỘI DUNG DỰ ÁN

I.Đặt vấn đề:

Bắc ninh là một tỉnh nông nghiệp có tổng diện tích đất tự nhiên là 79.625 ha, trong đó 52.795ha là diện tích sản xuất nông nghiệp chiếm $\approx 66,3\%$ diện tích đất tự nhiên. Dân số 945.000 người, lao động nông nghiệp chiếm $\approx 86\%$ tổng số lao động toàn tỉnh. Ngoài lao động nông nghiệp là chính, Bắc Ninh còn có các làng nghề thủ công, tiểu thủ công nghiệp đang phục hồi và phát triển. Tuy nhiên do sản xuất nông nghiệp còn lạc hậu, việc ứng dụng kỹ thuật thâm canh cây trồng và cơ giới hoá đồng ruộng chưa cao nên năng suất và sản lượng hàng năm vẫn ở mức thấp, chỉ đủ đáp ứng nhu cầu lương thực của tỉnh, chưa trở thành hàng hoá. Phát triển nông nghiệp nói chung chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của địa phương. Trong những năm gần đây việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật đã nâng diện tích gieo trồng bằng giống tốt lên 40-50%, nhiều loại giống, cây con, các biện pháp kỹ thuật thâm canh được áp dụng, góp phần đáng kể vào việc phát triển nông nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Căn cứ quyết định số 1985/QĐ-BKHCMNT ngày 15 tháng 11 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt các dự án năm 1999 thuộc chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002”, tỉnh Bắc Ninh được Bộ hỗ trợ thực hiện dự án: “*Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh và xã Đồng Nguyên-huyện Từ sơn*”, Dự án gồm 2 mô hình:

+Mô hình 1: áp dụng KTTB thâm canh tăng vụ nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh.

+Mô hình 2: áp dụng KTTB xây dựng mô hình sản xuất mạ non tập trung phục vụ sản xuất nông nghiệp tại xã Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn.

II.Đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng triển khai dự án:

1/ Các xã Đại Phúc, Võ Cường Vũ Ninh (Thị xã Bắc Ninh):

Diện tích tự nhiên của 3 xã khoảng 9,8km², dân số ≈ 17.150 người, mật độ 1.750 người/km². Diện tích đất canh tác 588ha, đất 2 vụ lúa 82ha, 2 mẫu 1 lúa 188ha, và 1 vụ lúa 218ha. Đất ở đây bạc màu, lao động thuần nông là chủ yếu, tập quán canh tác là 2 lúa, 2 lúa 1 rau. Tổng diện tích trồng lúa cả năm khoản

570ha; năm 1998 năng suất bình quân đạt 40-43 tạ/ha/vụ; thu nhập bình quân từ 18-20 triệu đồng/1 ha canh tác/năm.

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, thị xã Bắc Ninh trở thành trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh, nhu cầu sử dụng đất để xây dựng các cơ quan, đường giao thông, khu dân cư mới rất lớn làm cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp của các xã ven thị xã bị thu hẹp, đất canh tác bị thu hồi là 259ha chủ yếu là 3 xã: Võ Cường, Đại Phúc, Vũ Ninh; bình quân đất canh tác chỉ còn 300m²/người, lao động nông nghiệp thiếu đất canh tác, không có công ăn việc làm, đời sống gặp nhiều khó khăn.

2/Xã Đông Nguyên, huyện Từ sơn:

Xã Đông Nguyên thuộc huyện Từ sơn nằm ở phía tây nam của tỉnh Bắc Ninh, gần đường Quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Hà Nội-Lạng Sơn có vị trí thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế. Địa hình ở đây tương đối bằng phẳng, đất chủ yếu là đất phù sa gley, hệ thống kênh mương thuỷ lợi hoàn chỉnh.

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 553,8 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp 396ha, diện tích đất canh tác 375,6ha. Dân số 15.535 người trong đó khẩu nông nghiệp là 12.200 người chiếm 90,3%. Hiện nay xã có 3 ngành nghề chính là: xây dựng, dịch vụ xay sát thóc gạo và dịch vụ thương nghiệp buôn bán. Do ngành nghề TTCN và buôn bán phát triển, có mức thu nhập cao đã thu hút nhiều lao động của xã, nên làm nông nghiệp chỉ chiếm 15% tổng số lao động. Phần lớn các hộ có nghề đều thuê người ở nơi khác đến làm dẫn đến việc đầu tư cho nông nghiệp còn bị xem nhẹ, làm cho năng suất, sản lượng lương thực thấp. Do đó việc đưa cơ giới vào các khâu sản xuất nông nghiệp, trong đó có khâu sản xuất mạ non theo hướng tập trung sẽ góp phần chủ động mạ cấy trong điều kiện thời tiết bất thuận vào vụ đông, tăng năng suất và sản lượng lương thực, giải quyết tốt các vấn đề về nhu cầu lao động, phát triển được nghề phụ.

III:Nội dung và mục tiêu của dự án:

I.Mục tiêu:

+)Mô hình 1:

-Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ trên cơ sở áp dụng một số công thức luân canh, nâng cao thu nhập trên 1 ha canh tác tăng từ 20 lên 30-40 triệu đồng/ha/năm so với tập quán canh tác cũ.

-Tăng độ phì nhiêu của đất bằng các biện pháp luân canh một số cây họ đậu, chống thoái hoá bạc màu đất.

-Xác định một số công thức luân canh tăng vụ để khai thác, sử dụng đất đúng mục tiêu nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

-Thông qua mô hình sẽ tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo trên 300 lao động nắm chắc các biện pháp kỹ thuật canh tác cơ bản, đủ khả năng tổ chức sản xuất.

+)Mô hình 2:

-Xây dựng mô hình làm dịch vụ sản xuất mạ non tập trung, cấy lúa mạ non bằng tay và bằng máy với qui mô nhỏ, tiến tới nhân rộng thành các xưởng sản xuất có khả năng cung cấp mạ non cho toàn vùng.

-Đào tạo kỹ thuật viên nắm vững quy trình kỹ thuật sản xuất mạ non, cấy lúa mạ non bằng tay, cấy lúa mạ non bằng máy.

2.Nội dung:

+)Mô hình 1:

Được triển khai tại 3 xã là: Đại Phúc, Vũ Ninh và Võ Cường thuộc thị xã Bắc Ninh, với 3 cơ cấu cây trồng mới:

-Cơ cấu 1: Đậu tương xuân- Lúa mùa sớm-Dưa hấu đông-Rau vụ đông xuân.

-Cơ cấu 2: Dưa hấu xuân- Lúa mùa sớm- Hành tây-Rau vụ đông xuân.

-Cơ cấu 3: Lúa xuân-Đậu tương hè-Lúa mùa muộn-Khoai tây đông(cải bắp).

Việc bố trí các loại cây trồng hợp lý luân chuyển theo thời gian và chia thành hai nhóm; Nhóm 1 gồm cơ cấu 1 và 2 có diện tích 14 ha, nhóm 2 gồm cơ cấu 1 và 3, diện tích 6 ha (trong 1 năm).

-Tổ chức, điều tra khảo sát tình hình sản xuất và triển khai tập huấn kỹ thuật cho nông dân tham gia mô hình;

-Theo dõi các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong quá trình triển khai, đánh giá so sánh hiệu quả kinh tế với các loại cây trồng của địa phương.

-Tổ chức hội nghị để giới thiệu, phổ biến, tuyên truyền áp dụng rộng rãi tại các địa phương có điều kiện thổ nhưỡng tương tự.

+)Mô hình 2:

Mô hình sản xuất mạ non tập trung được xây dựng ở xã Đồng Nguyên theo các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị cơ sở ban đầu:

-Xây dựng cơ sở sản xuất mạ non, tổ chức đội ngũ kỹ thuật viên, công nhân, xây dựng địa điểm, lán xưởng.

-Chế tạo trang thiết bị, dụng cụ máy móc cho nhà xưởng.

- Sản xuất, theo dõi chăm sóc mạ non (vụ mùa 1999 sản xuất đủ cấy cho 1-1,5ha)

- Quy hoạch đồng ruộng và thuê máy cấy 0,5-1ha (vụ mùa 1999).

- Đào tạo công nhân cấy bằng máy và phục vụ cấy máy.

- Theo dõi quá trình sinh trưởng và phát triển của lúa cấy mạ non và so sánh với lúa cấy mạ được.

Bước 2: Xây dựng mô hình sản xuất mạ non và cấy lúa:

- Hình thành xưởng sản xuất mạ non và chăm sóc mạ tập trung, làm dịch vụ.

- Trang bị cơ sở vật chất; nhà xưởng, máy, dụng cụ, thiết bị đảm bảo đủ khả năng sản xuất mạ non đủ để cấy cho diện tích 20 ha/vụ.

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất mạ non cho 20 người.

- Tập huấn kỹ thuật cấy lúa bằng tay và bằng máy cho 30 người.

- Tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm.

Bước 3: Hoàn thiện mô hình:

- Hoàn thiện mô hình và đưa vào kinh doanh sản xuất mạ non.

- Qui mô nhà xưởng và khu nuôi mạ đủ cung cấp cho 30-50ha ruộng cấy/vụ.

- Hoàn thiện hệ máy, công cụ làm mạ non và cấy lúa.

- Tập huấn kỹ thuật làm mạ non, chăm sóc mạ.....

Bước 4: Nhân rộng kết quả mô hình:

- Tổ chức thăm quan mô hình cho một số địa phương xung quanh.

- Tập huấn kỹ thuật và tổ chức triển khai nhân rộng ở một số điểm.

- Phổ biến tuyên truyền trên báo, đài của địa phương.

Phần II:

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

I. Công tác tổ chức:

Để đảm bảo tổ chức triển khai các mô hình trong dự án đạt kết quả tốt, Ban chủ nhiệm dự án cùng với cơ quan chuyển giao kỹ thuật và các bên liên quan, phối hợp tổ chức hình thành bộ máy chỉ đạo, điều hành gọn nhẹ hiệu quả, phân công trách nhiệm cụ thể giữa các bên và từng cá nhân tham gia dự án, cụ thể như sau:

+) Mô hình 1:

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường

Cơ quan chuyển giao: Trạm nghiên cứu cải tạo đất bạc màu Hà Bắc.

Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND thị xã Bắc ninh.

Địa điểm thực hiện là 3 xã: Đại Phúc; Vũ Ninh; Võ Cường; ngoài ra trong mô hình trồng thử nghiệm 5 sào cây đào cảnh có 1 sào thuộc xã Kinh Bắc.

Ở các xã trên có bộ phận quản lý trực tiếp mô hình gồm 3 người trong đó Chủ nhiệm hợp tác xã làm tổ trưởng.

+) Mô hình 2:

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường

Cơ quan chuyển giao: Viện Cơ điện Nông nghiệp-Bộ Nông nghiệp và PTNT

Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND huyện Từ Sơn, UBND xã Đồng Nguyên

Nơi thực hiện mô hình là HTX Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn, giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh Ngừ là cán bộ khuyến nông HTX Đồng Nguyên.

II. Những kết quả cụ thể:

1) Mô hình 1:

a) Công tác tuyên truyền:

Trong 2 năm đã tổ chức được 32 lớp tập huấn cho 2.196 lượt người của 4 xã về kỹ thuật gieo trồng và chăm sóc cho từng loại cây trồng trong cơ cấu mùa vụ, cụ thể như sau:

Bảng 1: Kết quả công tác tập huấn kỹ thuật:

Tháng năm	số lớp	Nội dung	Tổng số người	Diễn giải			
				Đại phúc	Vũ ninh	Võ cường	Kinh bắc
1/2000	2	Kỹ thuật trồng đào cảnh	100	59	--	28	13
2/2000	5	KT trồng đậu tương xuân giống DT99	359	150	130	79	--
5/2000	6	Kỹ thuật thâm canh lúa mùa.	503	175	145	183	--
9/2000	2	Kỹ thuật trồng khoai tây đông.	157	66	91	--	--
	2	Kỹ thuật trồng hành tây.	135	--	--	135	--
	1	Kỹ thuật trồng đậu tương đông	69	--	--	69	--
	2	Kỹ thuật trồng dưa hấu đông.	137	137	--	--	--
	2	Kỹ thuật trồng rau vụ đông.	146	79	67	--	--
2/2001	3	KT trồng đậu tương xuân giống DT99	150	50	100	--	--
2/2001	2	Kỹ thuật trồng cây đào cảnh.	120	60	30	24	2
4/2001	2	Kỹ thuật chăm sóc cây đào cảnh.	120	60	30	24	2
8/2001	2	Kỹ thuật hãm và thiến đào cảnh	120	60	30	24	2
21/1/02	1	Kỹ thuật xử lý ra hoa đúng thời kỳ	78				
Cộng: *	31		2196	896	623	566	19

b) Kết quả triển khai mô hình trên đồng ruộng:

+) Năm 2000:

Mô hình được thực hiện với 4 loại cơ cấu cây trồng cho 4 địa điểm vùng ven thị xã gồm: Đại Phúc, Vũ Ninh, Võ Cường, Kinh Bắc, cụ thể:

+*Xã Đại Phúc*: cơ cấu: đậu tương xuân-lúa mùa sớm-dưa hấu đông-cây rau đông xuân; và trồng thử nghiệm 2 sào đào cảnh.

+*Xã Vũ Ninh*: cơ cấu: đậu tương xuân-lúa mùa sớm-bắp cải

+*Xã Võ Cường*: cơ cấu: lúa xuân-lúa mùa sớm-hành tây và 2 sào đào cảnh.

+*Xã Kinh Bắc*: Trồng 1 sào đào cảnh.

Kết quả:

1. Vụ xuân:

Tập trung trồng và phát triển cây đậu tương xuân với diện tích 10,4ha giống DT84, DT99, và 0,2 ha cây đào cảnh. Mô hình trồng cây đậu tương đã đạt được kết quả tốt cho năng suất từ 76 đến 85 kg/sào tương đương với 22,6 đến 24 tạ/ha canh tác. So sánh hiệu quả kinh tế với các loại cây trồng khác cụ thể là cây lúa xuân, thì chi phí thấp hơn từ 1,5 đến 2 lần và cho thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích tăng từ 33,6% đến 46,5%, lãi gấp 3 lần so với cây lúa xuân.

2. Vụ mùa:

Kế hoạch gieo cấy 20 ha lúa, giống Khang dân nguyên chủng, thực hiện tại 3 xã: Đại Phúc; Vũ Ninh; Võ Cường; diện tích gieo cấy thực tế là 22,7 ha, tăng 13,5% so với kế hoạch. Năng suất của các điểm như sau:

Bảng 2: Năng suất thống kê các điểm trong mô hình.

Xã	Thôn	NS thống kê (g/m ²) Biến động	Quy sào (kg)	Quy tạ/ha	Sản lượng (tấn)
Đại Phúc		570 - 600	210	58.3	29.2
Vũ Ninh		550 - 570	200	55.6	27.8
Võ Cường		530 - 560	196	54.4	69.1
Trung bình:		550 - 576	202	56.1	126.1

Nhìn chung cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất cao hơn từ 10 đến 12% so với đối chứng.

2. Vụ đông:

Vụ đông năm 2000 cơ quan chuyển giao công nghệ đã hướng dẫn, tổ chức cho bà con nông dân gieo cấy các loại cây trồng ở các địa điểm sau:

Bảng 3: Diện tích cây trồng vụ đông ở các điểm tham gia dự án:

Xã	Địa điểm (HTX)	Diện tích (ha)	Cây trồng	Số hộ tham gia
Đại Phúc	Đại Phúc	2	Dưa hấu	20
		3	Khoai tây	67
Vũ Ninh	Thanh Sơn	2	Khoai tây	110
		3,5	Bắp cải	112
	Phúc Sơn	3	Rau	119
Võ Cường	Bồ Sơn	8	Hành tây	215
	Khả Lễ	2	Rau	45

Bảng 4: Năng suất một số cây trồng vụ đông: (kg/sào; tấn/ha)

Điểm tham gia dự án (Xã)	Dưa hấu (Biến động)		Hành tây (Biến động)		Rau (Biến động)		Khoai tây (Biến động)	
	kg/sào	tấn/ha	kg/sào	Tấn/ha	kg/sào	tấn/ha	kg/sào	tấn/ha
Đại Phúc	400-600	14-16,5	--	--	600-700	16-19,4	400-500	11-12,5
Vũ Ninh	--	--	--	--	750-800	18-19,4	400-500	11-14
Võ Cường	--	--	500-600	14-17	700-800	19-22, 2	--	--

Trong kế hoạch cây hành tây có diện tích là 8ha, thực hiện nông dân đã mở rộng diện tích lên 12ha tăng 50% so với kế hoạch.

Kết quả cho thu nhập về cây dưa hấu lãi 18.765.000đồng/ha/vụ; cây hành tây lãi 26.870.000đ/ha/vụ; khoai tây lãi: 7.560.000đ/ha/vụ; và rau lãi 11.785.000đ/ha/vụ. Trung bình các loại cây trồng vụ đông cho thu nhập cao hơn các loại cây trồng các vụ khác từ 700.000đồng đến 1.000.000đồng/ sào, song năng suất thường xuyên bị biến động theo thời tiết và còn phụ thuộc rất nhiều vào thị trường tiêu thụ.

Cây đào là năm đầu tiên trồng thử nghiệm, cây sinh trưởng và phát triển tốt, phù hợp với điều kiện đất đai khu vực, kết quả cho thu nhập từ 4 đến 5 triệu đồng/sào tương đương với 100 đến 130 triệu đồng/ha, mở ra hướng phát triển tốt.

+) Năm 2001:

Qua một năm triển khai thực hiện, khả năng phát triển và mở rộng 2 loại cây trồng: đậu tương xuân và cây đào cảnh là rất tốt. Đặc biệt cây đào cảnh mặc dù đầu tư lớn, yêu cầu trình độ thâm canh cao song thu nhập lại cao gấp 5-6 lần các loại cây trồng khác. Do đó chủ nhiệm dự án cùng với cơ quan chuyển giao kỹ thuật quyết định mở rộng diện tích trồng cây đào cảnh trên cơ sở 3 địa phương đã làm thí điểm năm 2000. Tập trung xây dựng thành vùng sản xuất tại HTX Đại Phúc, một xã có vị trí địa lý rất thuận lợi và người nông dân có trình độ thâm canh khá.

Một số kết quả như sau:

Theo kế hoạch gico trồng 20 ha cây đậu tương xuân giống DT84 và DT99 tại 3 xã: Đại Phúc, Vũ Ninh, Võ cường; thực tế đã mở rộng diện tích lên 33 ha. Năng suất trung bình của giống đậu tương DT84 là 18,46 tạ/ha, DT99 là 19,66 tạ/ha.

Cây đào cảnh mở rộng diện tích lên 3 ha tại 4 xã: Đại Phúc 58.4 sào (2.1ha), Võ cường 7.6 sào, Vũ Ninh 1 sào, Kinh Bắc 3 sào, ngoài 4 xã có diện tích tham gia mô hình thì Ninh Xá cũng có diện tích 3 sào. Như vậy tổng số diện tích trồng đào là 73 sào với 10.800 cây.

Tổng hợp kết quả 2 năm thực hiện dự án:

Bảng 5: Hiệu quả kinh tế của các loại cây trồng trong mô hình:

Số TT	Cây trồng	Tổng chi 1000đ/ha	Tổng thu 1000đ/ha	Lãi 1000đ/ha	Hiệu quả vốn đầu tư (lần)
1	Đậu tương xuân	3.475	12.202	8.727	3,51
2	Lúa mùa	7.402	8.415	1.013	1,14
3	Khoai tây	7.440	15.000	7.560	2,02
4	Cải bắp	6.215	18.000	11.785	2,90
5	Dưa hấu	6.285	25.050	18.765	4,00
6	Hành tây	8.530	35.000	26.870	4,15
7	Hành dẻ nhánh	8.077	18.000	9.923	2,23
8	Đào cảnh				
	- Năm thứ nhất	40.424	121.500	81.076	3,00
	- Năm thứ 2	12.074	141.750	129.677	11,74

Trong các loại cây trồng được triển khai để xây dựng mô hình, đào canh là cây có chi phí cao nhất và chi phí thấp nhất là cây đậu tương. Tuy nhiên, tổng thu nhập trên một đơn vị diện tích cao nhất vẫn là cây đào canh tiếp theo là cây hành tây và cây bắp cải thấp nhất là cây lúa.

Dưới đây là bảng tổng hợp hiệu quả kinh tế của các cơ cấu cây trồng qua 2 năm thực hiện:

Bảng 6: Hiệu quả kinh tế của các cơ cấu cây trồng trong mô hình:

<i>Cơ cấu cây trồng</i>	<i>Tổng chi 1000đ/ha</i>	<i>Tổng thu 1000đ/ha</i>	<i>Lãi 1000đ/ha</i>
1-Đậu tương xuân-Lúa mùa – Dưa hấu thu đông- Cải bắp	23.377	63.667	40.290
2-Đậu tương xuân- Lúa mùa-Hành tây-Rau đông xuân.	25.622	74.017	48.395
3-Đậu tương xuân- Lúa mùa-Khoai tây- Rau đông xuân.	24.532	63.617	39.085
4-Cây đào			
- Năm thứ nhất			
- Năm thứ hai	40.424	121.500	81.076
	12.074	141.750	129.677

Nhìn chung qua 2 năm thực hiện dự án xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đã đạt được các kết quả tốt, các cơ cấu cây trồng trong mô hình đã cho năng suất cao hơn hẳn các cây trồng khác của địa phương, do đó tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác, góp phần phát triển kinh tế của các hộ nông dân.

Xét về từng loại cây trồng trong các cơ cấu:

1.Đậu tương là cây có khả năng nhân rộng ở vụ xuân không những ở các địa phương có điểm tham gia mô hình mà còn có thể phát triển mạnh diện tích ở các địa phương có điều kiện đất đai tương tự như của thị xã. Bởi vì cây đậu tương có ưu điểm sinh trưởng và phát triển khỏe, chi phí đầu tư thấp. Cho hiệu quả kinh tế cao, dễ bảo quản và không bị thị trường chi phối. Ngoài ra đây còn là loại cây cải tạo đất tốt, có mặt hầu hết trong các công thức luân canh cây trồng.

2.Cây đào canh là cây trồng hoàn toàn mới trong cơ cấu cây trồng của nông dân, yêu cầu trình độ thâm canh cao; song lại là cây trồng có hiệu quả kinh tế cao gấp 5 đến 8 lần cây trồng khác, được nông dân tiếp thu nhanh, mở ra hướng làm ăn mới cho nông dân. Qua hai năm diện tích cây đào canh đã phát triển lên 7ha

và dự kiến trong những năm tới có khả năng nhân rộng diện tích lên cao hơn nữa ở các địa phương trong tỉnh. Tuy nhiên để cây đào phát triển tốt cần phải chú ý các yếu tố thâm canh sau:

-Chọn được chân đất cao, thoát nước tốt, thuận tiện cho việc vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm.

-Phải có biện pháp thâm canh hợp lý, thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa những hộ đã thực hiện thành công với các hộ mới tham gia để tránh rủi ro, đảm bảo hiệu quả sản xuất.

Đối với các loại cây trồng khác như: hành tây, dưa hấu, khoai tây và một số loại rau, mặc dù cho thu nhập cao song lại có một số hạn chế nhất định trong việc mở rộng diện tích đó là: chi phí giống cao, đòi hỏi thời vụ và quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt, thời gian bảo quản sản phẩm ngắn và giá cả thị trường không ổn định.

2) Mô hình 2:

Là mô hình sản xuất mạ non tập trung theo kiểu công nghiệp, nó thay đổi hẳn tập quán sản xuất của các hộ nông dân. Do đó quá trình tổ chức thực hiện, ban quản lý dự án đã chỉ đạo các cán bộ kỹ thuật và cán bộ theo dõi dự án thường xuyên có mặt tại địa điểm để trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật, hướng dẫn và chuyển giao kỹ thuật, tạo niềm tin cho bà con nông dân. Qua hai năm thực hiện đến nay mô hình đã hoàn thiện và đi vào hoạt động, kết quả đạt được như sau:

a) Thiết kế, chế tạo hệ thống máy và công cụ sản xuất mạ khay:

-Máy nghiền đất bột:

Dùng để nghiền đất đã phơi khô để rải vào mạ khay nhựa nuôi mạ, máy chạy theo nguyên lý phay đất, công suất nghiền đạt 0,8-1,0 tấn đất bột/giờ, chạy bằng động cơ điện 3 pha 5,5KW, gồm 2 người phục vụ.

-Máy trộn phân vào đất bột:

Máy trộn theo nguyên lý trống trộn vừa quay vừa đảo hướng vị trí, bên trong là các tấm đảo.

Máy chạy động cơ điện 0,75KW.

Công suất 0,5 tấn đất bột/giờ. 1 người điều khiển.

-Công cụ và hệ đường ray rải đất bột:

Dùng để rải một lớp đất bột vào khay nhựa trước khi gieo mống hoặc để phủ một lớp đất bột mỏng lên mống sau khi gieo. Nguyên lý làm việc là trục cuốn quay, mức đất bột trong thùng chứa rải xuống khay nhựa. Trục cuốn được chế tạo bằng nhôm, 2 đầu lắp 2 bánh xe, khi đẩy sẽ lăn trên 2 đường ray song song, làm

trục cuốn mức đất rải xuống khay nhựa đặt dưới đường ray. Công cụ cần 1 người điều khiển, công suất đạt 1.000-1.500 khay/giờ.

-Công cụ và hệ đường ray gieo mống:

Dùng để gieo mống vào khay nhựa sau khi đã rải đất và tưới nước. Nguyên lý làm việc cũng là trục cuốn (bằng nhôm). Công cụ do 1 người điều khiển, công suất gieo đạt 1.000-1.500 khay/giờ.

-Máy tưới phun mạ:

Dùng để phun tưới mống khi gieo ở khay và phun tưới mạ khi nuôi ở ngoài đồng. Máy là một bơm cao áp chạy động cơ điện 0,3KW. Nước được bơm cao áp và chảy ra qua vòi phun nhỏ.

-Khay nhựa nuôi mạ:

Dùng để đựng đất nuôi mạ, khay được đúc bằng nhựa tái sinh có kích thước 56x23x3cm (dài x rộng x sâu). Dưới đáy khay có nhiều lỗ nhỏ để tiêu nước trong khay và trao đổi độ ẩm giữa lớp đất nuôi mạ trong khay và đất nền. Hiện nay mô hình đã được trang bị 5.300 khay nhựa.

b) Xây dựng lán xưởng sản xuất mạ và khu nuôi mạ:

Đã xây dựng 1 lán xưởng đơn giản diện tích 198m² và khu ruộng nuôi mạ diện tích 1.000m², khu lán xưởng được bố trí gần sát đường giao thông nên trong quá trình sản xuất và kinh doanh việc vận chuyển và giao dịch với khách hàng được thuận tiện. Năm 1999-2000 khu lán xưởng được giao cho ban quản lý HTX Đồng nguyên trực tiếp quản lý. Năm 2001 để cho việc quản lý và sản xuất mạ có hiệu quả cơ sở sản xuất mạ khay đã được giao hoàn toàn cho tư nhân là ông Nguyễn Mạnh Ngừ cán bộ khuyến nông của hợp tác xã chịu trách nhiệm về sản xuất và kinh doanh.

c) Sản xuất mạ khay và hiệu quả thực tế:

Mô hình mạ khay Đồng nguyên đã tiến hành sản xuất được 5 vụ mạ. trong đó chia ra làm 2 giai đoạn: Giai đoạn sản xuất mạ khay để cấy thí điểm bằng tay và bằng máy, làm mô hình trình diễn để đánh giá hiệu quả mạ khay và giai đoạn sản xuất, kinh doanh mạ non bán cho nông dân.

+)Giai đoạn sản xuất mạ khay do HTX quản lý:

Việc sản xuất mạ do ban quản trị hợp tác xã Đồng Nguyên trực tiếp quản lý, mạ được sản xuất theo kế hoạch và phân phối cho một số đội sản xuất, chi phí sản xuất mạ do 3 phía chịu: đội sản xuất, hợp tác xã và kinh phí dự án.

Giai đoạn này tiến hành được 3 vụ mạ (vụ mùa năm 1999, vụ xuân và vụ mùa năm 2000).

trục cuốn mức đất rải xuống khay nhựa đặt dưới đường ray. Công cụ cần 1 người điều khiển, công suất đạt 1.000-1.500 khay/giờ.

- Công cụ và hệ đường ray gieo mộng:

Dùng để gieo mộng vào khay nhựa sau khi đã rải đất và tưới nước. Nguyên lý làm việc cũng là trục cuốn (bằng nhôm). Công cụ do 1 người điều khiển, công suất gieo đạt 1.000-1.500 khay/giờ.

- Máy tưới phun mạ:

Dùng để phun tưới mộng khi gieo ở khay và phun tưới mạ khi nuôi ở ngoài đồng. Máy là một bơm cao áp chạy động cơ điện 0,3KW. Nước được bơm cao áp và chảy ra qua vòi phun nhỏ.

- Khay nhựa nuôi mạ:

Dùng để đựng đất nuôi mạ, khay được đúc bằng nhựa tái sinh có kích thước 56x23x3cm (dài x rộng x sâu). Dưới đáy khay có nhiều lỗ nhỏ để tiêu nước trong khay và trao đổi độ ẩm giữa lớp đất nuôi mạ trong khay và đất nền. Hiện nay mô hình đã được trang bị 5.300 khay nhựa.

b) Xây dựng lán xưởng sản xuất mạ và khu nuôi mạ:

Đã xây dựng 1 lán xưởng đơn giản diện tích 198m² và khu ruộng nuôi mạ diện tích 1.000m², khu lán xưởng được bố trí gần sát đường giao thông nên trong quá trình sản xuất và kinh doanh việc vận chuyển và giao dịch với khách hàng được thuận tiện. Năm 1999-2000 khu lán xưởng được giao cho ban quản lý HTX Đồng nguyên trực tiếp quản lý. Năm 2001 để cho việc quản lý và sản xuất mạ có hiệu quả cơ sở sản xuất mạ khay đã được giao hoàn toàn cho tư nhân là ông Nguyễn Mạnh Ngữ cán bộ khuyến nông của hợp tác xã chịu trách nhiệm về sản xuất và kinh doanh.

c) Sản xuất mạ khay và hiệu quả thực tế:

Mô hình mạ khay Đồng nguyên đã tiến hành sản xuất được 5 vụ mạ. trong đó chia ra làm 2 giai đoạn: Giai đoạn sản xuất mạ khay để cấy thí điểm bằng tay và bằng máy, làm mô hình trình diễn để đánh giá hiệu quả mạ khay và giai đoạn sản xuất, kinh doanh mạ non bán cho nông dân.

+) Giai đoạn sản xuất mạ khay do HTX quản lý:

Việc sản xuất mạ do ban quản trị hợp tác xã Đồng Nguyên trực tiếp quản lý, mạ được sản xuất theo kế hoạch và phân phối cho một số đội sản xuất, chi phí sản xuất mạ do 3 phía chịu: đội sản xuất, hợp tác xã và kinh phí dự án.

Giai đoạn này tiến hành được 3 vụ mạ (vụ mùa năm 1999, vụ xuân và vụ mùa năm 2000).

-Vụ mùa năm 1999:

Đây là thời kỳ đầu xây dựng mô hình trang thiết bị còn thiếu; diện tích sản xuất đủ cấy 12 mẫu và được cấy bằng máy cấy Nhật bản PL-620. Đất nuôi mạ được thí nghiệm là đất phù sa sông và dùng giống lúa Khang dân. Quá trình sản xuất gieo cấy, cây mạ phát triển tương đối tốt, tuy nhiên do khâu làm đất chưa kỹ nên một số chỗ cây mạ còn phát triển kém, năng suất đạt 6,511 tấn/ha.

-Vụ xuân năm 2000:

Sử dụng thí điểm đất nuôi mạ là đất bùn mương máng, cấy bằng giống lúa 9820; diện tích sản xuất mạ đủ cấy cho 12 mẫu, năng suất đạt 7,42 tấn/ha.

-Vụ mùa năm 2000:

Từ vụ này đã sản xuất mạ bằng 1.233 khay nhựa, đất nuôi mạ bằng đất bùn mương máng và hệ máy công cụ đồng bộ, cấy được 10 mẫu lúa giống Q5.

Năng suất lúa được cấy bằng mạ khay đạt 6,21 tấn/ha, tăng hơn so với lúa cấy bằng mạ được 7,5%.

Năng suất lúa cấy máy bằng mạ khay đạt 6,62 tấn/ha tăng hơn so với lúa cấy bằng mạ được 14,7%.

+)Giai đoạn sản xuất-kinh doanh mạ khay:

Đã sản xuất được 2 vụ, vụ xuân năm 2001 và 2002 còn vụ mùa năm 2000 không sản xuất được, do mạ vụ mùa thời tiết nóng dễ làm, nông dân ngại mạ khay non thấp cây, sẽ gặp khó khăn khi gặp mưa to và cấy ở ruộng không chủ động tưới tiêu. Kết quả 2 vụ mạ trên như sau:

-Vụ xuân năm 2001:

Do được thông tin tuyên truyền rộng rãi mô hình sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của xã và của tỉnh, nên trong vụ này nông dân trong và ngoài xã đặt mua mạ khay tương đối nhiều. Do vậy cơ sở đã sản xuất và bán được 10.365 khay mạ, với các giống lúa lai Trung quốc, Japonica Nhật bản, D98, 9820 và giống lúa thơm. Giá bán mạ 13.000đồng/sào chưa kể giống và 20.000đồng/sào kể cả giống đối với lúa thuần. Trong vụ này đất nuôi mạ là đất bùn lấy ở mương có độ pH=6,0. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai số mạ bị hỏng chiếm 15% tổng số và phải đền bù cho khách hàng do một số nguyên nhân:

-Đây là vụ sản xuất mạ đầu tiên với khối lượng lớn nên trong quá trình thực hiện còn thiếu sót trong việc tuân thủ quy trình kỹ thuật.

-Việc ủ mống với khối lượng lớn nên nhiệt độ của đồng ủ không đồng đều dẫn đến việc mạ phát triển không đều.

-Có thể do độ pH cao và do trộn phân N,P,K vào đất gieo mạ không đồng đều nên mạ phát triển kém, một số chỗ mạ còn bị chết;

Nhưng qua theo dõi trong quá trình sản xuất, số mạ không bị chết đưa ra cấy, lúa phát triển tốt và vẫn cho năng suất cao hơn lúa cấy bằng mạ được.

-Vụ xuân năm 2002:

Từ việc rút kinh nghiệm của vụ xuân năm 2001 và các vụ trước, vụ xuân năm 2002 đã hoàn thiện quy trình kỹ thuật và các biện pháp cơ bản như:

-Chế tạo máy thúc mầm hạt giống, nhằm tạo ra nhiệt độ đồng đều trong đồng ủ, tránh hiện tượng mạ nảy mầm lâu phát triển chậm.

-Xây dựng buồng ấm ủ mạ khay nhiệt độ từ 25-26°C.

-Lấy đất đồi làm đất nuôi mạ có độ pH từ 4,5 đến 5,0, trong quá trình gieo mạ có dùng phân chuồng hoai mục trộn chung vào với đất. Ngoài ra để đảm bảo cho mạ phát triển tránh được các loại nấm mốc, cơ quan chuyển giao đã phối hợp với Viện bảo vệ thực vật nghiên cứu thử nghiệm các loại đất gieo mạ, các công thức bón phân, không bón phân... và phòng trừ cho mạ ngay từ thời kỳ đầu.

Do khó khăn về kỹ thuật trong vụ trước, vụ này hạn chế chỉ gieo 5.300 khay, đủ cấy với diện tích 45 mẫu, với các giống lúa thuần Việt nam và lúa lai Trung quốc, để tiếp tục thử nghiệm, hoàn thiện quy trình kỹ thuật, xác định các chỉ tiêu phù hợp cho đất gieo mạ, đảm bảo chất lượng ổn định trước khi mở rộng sản xuất.

Kết quả, đã khắc phục được hiện tượng mạ bị chết sau khi gieo; diện tích được cấy bằng mạ khay lúa sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất lúa thuần dự kiến đạt 60 tạ/ha/vụ; đã bước đầu rút ra được quy trình ổn định để sản xuất mạ.

Tóm lại qua hai năm triển khai thực hiện mô hình 2 đạt 1 số kết quả:

-Đã trang bị được một hệ thống thiết bị, máy, công cụ, khay nhựa, lán xưởng đủ điều kiện sản xuất mạ khay theo kiểu công nghiệp tại xã Đồng Nguyên huyện Từ sơn tương đối hoàn chỉnh; phần lớn các công đoạn sản xuất mạ được cơ giới hoá, có khả năng cung cấp mạ đủ cấy cho 30-50ha/vụ; chất lượng mạ tốt, chống được rét, chủ động mạ xuân cấy đúng thời vụ, năng suất lúa cấy mạ khay cao hơn lúa cấy bằng mạ được từ 10-15%, chi phí giá thành sản xuất mạ khay thấp hơn mạ được.

-Cơ sở sản xuất đã bước vào kinh doanh thực sự được 2 vụ, chất lượng mạ và giá bán được nhiều nông dân chấp nhận; mở ra khả năng từng bước chuyên môn hoá khâu sản xuất mạ; kết quả việc thí điểm đưa máy cấy vào sản xuất thành công đã góp phần nâng cao nhận thức của nông dân, tạo điều kiện từng bước thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, góp phần thực hiện chủ trương CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn.

III. Những vấn đề rút ra trong quá trình triển khai thực hiện:

Qua hai năm triển khai dự án ở Bắc ninh rút ra được những kinh nghiệm sau:

1. Cần phải có sự quản lí chặt chẽ, chỉ đạo, phối hợp thống nhất từ cơ quan chủ trì dự án đến cơ quan chuyển giao kỹ thuật, địa bàn thực hiện và các hộ nông dân. Các công việc được triển khai một cách thống nhất, đồng bộ sẽ góp phần không nhỏ đến thành công của dự án.

2. Cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn, tập huấn, hướng dẫn đầy đủ tạo điều kiện cho nông dân nắm chắc quy trình kỹ thuật, biện pháp thâm canh, có khả năng tự tổ chức tiếp thu kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất.

3. Chọn địa bàn triển khai dự án đúng, có điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng phù hợp với nội dung và mục tiêu của từng mô hình, góp phần cho việc triển khai dự án thuận lợi.

4. Cán bộ phụ trách dự án phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sát cơ sở thực hiện dự án. Phát huy được vai trò, trách nhiệm của cán bộ cơ sở, của người dân tham gia mô hình. Thông qua các hội nghị, cuộc họp để phổ biến tuyên truyền lợi ích, ý nghĩa khi dự án được triển khai tại địa phương, làm cho nhân dân thấy rõ đây là cơ hội để nâng cao dân trí và phát triển sản xuất.

5. Cần tiến hành sơ kết, tổng kết kịp thời, thông qua đó chủ nhiệm dự án, cơ quan chuyển giao thấy rõ những ưu, khuyết điểm cần khắc phục sửa chữa và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6. Cần tăng cường phổ biến tuyên truyền kết quả mô hình trên báo, đài, phương tiện thông tin đại chúng, để nông dân trong vùng có thể tự học hỏi và làm theo; tăng cường sự phối hợp chỉ đạo của các cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan (VD: ngành nông nghiệp) tạo điều kiện để dự án có khả năng nhân rộng, các thành tựu KHCN được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất.

Phần III:

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận:

-Sau 2 năm tổ chức triển khai thực hiện các mô hình của dự án đã bước đầu có kết quả tốt, các cơ cấu cây trồng mới được lựa chọn đã cho thu nhập tăng từ 10-20 triệu đồng/ha canh tác (từ 20 triệu đồng/ha tăng lên 30-40 triệu đồng/ha/năm),

cá biệt mô hình hoa cây cảnh cho thu nhập đến 120 triệu đồng/ha/năm đã góp phần tăng thu nhập cho nông dân vùng dự án.

-Mô hình sản xuất mạ khay tập trung bước đầu khẳng định tính ưu việt của phương pháp sản xuất mới, dần hình thành tập quán sử dụng và sản xuất kinh doanh mạ khay, tạo điều kiện phát triển ngành nghề và dịch vụ trong vùng thuần nông.

-Thông qua việc xây dựng các mô hình đưa khoa học công nghệ vào sản xuất đã đào tạo được đội ngũ kỹ thuật viên và nâng cao trình độ thâm canh cho nông dân vùng dự án. Trên cơ sở hiệu quả của mô hình đã nhân rộng ra hàng trăm ha áp dụng cơ cấu cây trồng mới, hình thành vùng hoa đào cảnh của thị xã (từ 0,3ha thử nghiệm năm 2000 đã mở rộng 7ha năm 2002) góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng phục vụ mục tiêu công nghiệp hoá-hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

2.Kiến nghị:

-Đề nghị Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường xem xét cho nghiệm thu kết quả dự án và tiếp tục quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ các dự án thuộc chương trình đang triển khai thực hiện tại Bắc ninh, góp phần tạo điều kiện đưa KHCN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

-Đề nghị các ngành chức năng của tỉnh tuyên truyền phổ biến rộng rãi kết quả dự án,tạo điều kiện đưa nhanh kết quả khoa học vào sản xuất.

Trên đây là báo cáo một số kết quả bước đầu triển khai thực hiện dự án tại địa phương. Xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo Bộ, các Vụ kế hoạch, Vụ Quản lý KHCN nông nghiệp và Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi, các cơ quan chuyển giao công nghệ đã quan tâm giúp đỡ để dự án được triển khai thực hiện ở địa phương đạt kết quả tốt./.

**SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN



PHÓ GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG ĐÌNH LUYỄN

Nguyễn Đình Võ



SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÔNG THÔN-MIỀN NÚI NĂM 1999

1.Tên dự án: *Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh và xã Đồng Nguyên-huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.*

2.Quyết định Thành lập Hội đồng Nghiệm thu dự án cấp tỉnh số 290/QĐ-HĐ ngày 29/7/2002 của Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

3.Họp Hội đồng: ngày 20 tháng 8 năm 2002

Địa điểm: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

4.Hội đồng gồm có ..9.. thành viên (danh sách kèm theo quyết định)

a.Số thành viên có mặt: 7

b.Số thành viên vắng mặt: 2 (Họ và tên)

-Ông Nguyễn Tâm

-Thành viên Sở Tài chính, Vật giá

5.Khách mời tham dự: (Họ và tên - Nơi công tác)

-Ông Dương Đức Thịnh-Trưởng phòng Kinh tế –Thị xã Bắc Ninh

-Ông Nguyễn Quang Bình – Chủ nhiệm HTX Đồng Nguyên

-Ông Nguyễn Phương Hợp – Chủ nhiệm HTX Võ Cường

-Ông Nguyễn Văn Thuận – Chủ nhiệm HTX Vũ Ninh

-Ông Lại Văn Vy – Chủ nhiệm HTX Đại Phúc

-Ông Nguyễn Mạnh Ngữ - Cán bộ Khuyến nông HTX Đồng Nguyên

6.Người trình bày báo cáo:

-Họ và tên: Ông Vũ Đình Phiên – Viện Cơ điện Nông nghiệp

Ông Nguyễn Văn Đại – Trạm Cải tạo đất bạc màu Hà Bắc

7.Kết luận của Chủ tịch Hội đồng:

a)*Kết quả bỏ phiếu:*

-Số phiếu phát ra:.....7.....

-Số phiếu đánh giá đạt loại xuất sắc:.....1.....phiếu

-Số phiếu thu về:.....7.....

-Số phiếu đánh giá đạt loại khá:.....6.....phiếu

-Số phiếu hợp lệ:.....7.....

-Số phiếu đánh giá đạt yêu cầu:.....phiếu

-Số phiếu đánh giá không đạt :.....phiếu

Kết quả đạt loại:..Khá.....

b)*Các kết luận cụ thể:*

-Tiến độ thực hiện dự án so với thuyết minh ban đầu:

Đảm bảo tiến độ thực hiện theo Thuyết minh được duyệt

-Mức độ đạt được so với mục tiêu và nội dung đặt ra:

+Mô hình 1: Đã hoàn thành mục tiêu chuyển dịch cơ cấu cây trồng (tổng số 80ha), nâng thu nhập bình quân trên 1ha canh tác từ 20-22triệuđồng/năm lên 30-40triệu đồng/ha/năm, cá biệt mô hình trồng cây dào canh đạt 120triệu đồng/ha/năm; đã đào tạo, tập huấn được 2.196 lượt người, nâng cao trình độ kỹ thuật thâm canh cho các hộ nông dân trong vùng dự án; các

cơ cấu luân canh cây trồng áp dụng trong mô hình đã được nhân rộng ra sản xuất, cơ cấu các loại cây trồng đậu tương xuân giống mới-lúa mùa sớm và cây vụ đông đã mở rộng diện tích ra hàng trăm ha trên địa bàn thị xã Bắc Ninh và các huyện có điều kiện thổ nhưỡng tương tự; cây đào cảnh từ 0,3ha thử nghiệm, sau 2 vụ đã mở rộng ra 7ha.

+ Mô hình 2: Đã hoàn thành xưởng sản xuất mạ tập trung theo kiểu công nghiệp, sau 4 vụ làm thử rút kinh nghiệm, đến nay sản xuất đã ổn định; năng suất lúa cấy từ mạ khay thường cao hơn mạ được từ 7-10%, người sản xuất kinh doanh mạ khay bước đầu có hiệu quả; năng lực sản xuất của xưởng hiện tại có thể đáp ứng từ 30-50ha ruộng cấy; nông dân đã từng bước làm quen với kỹ thuật sản xuất và sử dụng mạ non. Mô hình áp dụng KTTB mới đã làm thay đổi tập quán canh tác cũ của người nông dân (gieo mạ được); kỹ thuật mới đã chủ động hoàn toàn thời gian gieo cấy, đáp ứng yêu cầu mùa vụ, chống chuột hại và chống rét trong vụ xuân.

- Tính sáng tạo:

Trong quá trình sản xuất, mô hình 1 đã kịp thời điều chỉnh cơ cấu cây trồng thích hợp với yêu cầu thị trường và tập quán sản xuất của người nông dân, đảm bảo cho dự án triển khai đạt kết quả tốt.

Mô hình 2, sau những khó khăn do kỹ thuật mới, khi triển khai còn thiếu kinh nghiệm trong việc lựa chọn đất, xử lý độ pH, tỷ lệ phối trộn NPK trong vụ xuân năm 2001, đã kịp thời phối hợp với Viện Bảo vệ thực vật nghiên cứu, điều chỉnh và rút ra được quy trình sản xuất phù hợp, khắc phục hiện tượng mạ bị chết từng đám xảy ra trước đó.

- Khả năng ứng dụng nhân rộng kết quả của dự án vào thực tiễn sản xuất và đời sống:

Trên cơ sở kết quả sau 2 năm triển khai thực hiện dự án tại địa phương; từ thực tế hiệu quả sản xuất, công tác chỉ đạo, tình hình tiếp nhận và diện tích đã được nhân rộng trong 2 vụ vừa qua có thể khẳng định: dự án hoàn toàn có khả năng nhân rộng vào sản xuất, đem lại thu nhập cao hơn cho người nông dân.

c) Kết luận chung:

Hội đồng nhất trí:

- Đề nghị Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường công nhận kết quả dự án; Cho phép phổ biến rộng rãi quy trình kỹ thuật thâm canh tăng vụ, quy trình kỹ thuật sản xuất mạ khay, mạ non để nông dân áp dụng, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

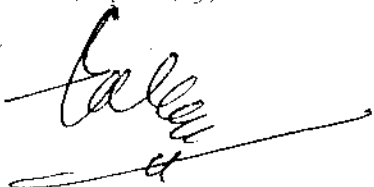
9. Kiến nghị và các lưu ý khác của Hội đồng:

- Chủ nhiệm dự án và các cơ quan chuyển giao công nghệ hoàn chỉnh lại báo cáo theo các ý kiến của thành viên Hội đồng. Chuẩn bị các điều kiện đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cho nghiệm thu cấp Nhà nước.

- Do mô hình chỉ triển khai trên diện hẹp và thời gian ngắn, đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tiếp tục hỗ trợ mở rộng mô hình để nông dân các vùng khác có điều kiện tiếp cận KTTB mới phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng; đặc biệt là các vùng chuyên canh cây lúa của tỉnh.

Thư ký Hội đồng

(Họ tên, ký)

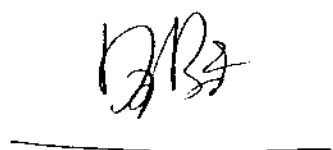


Nguyễn Minh Tân

Bắc Ninh ngày 20 tháng 8 năm 2002

Chủ tịch Hội đồng

(Họ tên, ký)



Phạm Đăng Bế

UBND TỈNH BẮC NINH
Sở Khoa học, Công nghệ
và Môi trường

Số: ~~220~~²⁴⁰/QĐ-HĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bắc ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án Xây dựng mô hình
thâm canh tăng vụ và sản xuất mạ non tập trung nhằm nâng cao
hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh
và các xã thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH

- Căn cứ Quyết định số 03/1999/QĐ-UB ngày 04/01/1999 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Ninh;

- Căn cứ Quyết định số 99/UB ngày 01/4/1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phân cấp quản lý công tác tổ chức và cán bộ;

- Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-BKHCNMT ngày 28/9/1999 của Bộ trưởng Bộ KHCN&MT về việc Ban hành quy trình quản lý Chương trình xây dựng các mô hình đưa KHCN phục vụ phát triển nông thôn, miền núi;

- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và ông phụ trách Phòng Quản lý Khoa học, công nghệ và SHCN.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án *Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ và sản xuất mạ non tập trung nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh và các xã thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh* gồm các ông, bà có tên sau đây:

1- Ông Vương Đình Huyền - Phó Giám đốc Sở KHCN&MT - Ủy viên

2- Ông Hà Minh Hoa - Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Công nghệ và MT - Ủy viên

3- Ông Nguyễn Minh Tân - Phó Phòng Quản lý KHCN&SHCN - Ủy viên thư ký

Mời:

- 1-Ông Phạm Đăng Bể-PGD Sở Nông nghiệp &PTNT-làm Chủ tịch Hội đồng
- 2-Ông Trịnh Văn Phường - Phó Chủ tịch UBND TX Bắc Ninh - Ủy viên
- 3-Ông Nguyễn Tâm - Chủ tịch UBND xã Đại Phúc - Ủy viên
- 4-Ông Dương Văn Ban - Trưởng phòng Kinh tế huyện Từ Sơn - Ủy viên
- 5-Ông Trần Văn Lập - Bí thư Đảng ủy xã Đồng Nguyên - Ủy viên
- 6-Mời một cán bộ chuyên quản thuộc Sở Tài chính Vật giá làm ủy viên

Điều 2: Hội đồng có nhiệm vụ giúp Giám đốc Sở KH&CN&MT đánh giá kết quả triển khai thực hiện dự án *Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ và sản xuất mạ non tập trung nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh và các xã thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.*

Điều 3: Hoạt động của các thành viên Hội đồng có tính chất tư vấn, độc lập, không đại diện cho cơ quan, đơn vị nơi thành viên công tác. Kinh phí hoạt động của Hội đồng được sử dụng trong khoản kinh phí chỉ cho các hoạt động nghiệp vụ của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Chế độ sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 4: Các ông Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính, Trưởng các Phòng nghiệp vụ, thủ trưởng đơn vị thuộc Sở và các ông, bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH



Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu TC,QLKH

Nguyễn Tiến Thịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN NGHIỆM THU

**Mô hình 1 dự án “Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ
sản xuất mạ non tập trung nhằm nâng cao hiệu quả
sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh
và các xã thuộc huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh”**
(Thuộc Chương trình Xây dựng các mô hình đưa KHCN
phục vụ phát triển KTXH NT&MN)

Hôm nay ngày 30 tháng 01 năm 2002, tại UBND thị xã Bắc Ninh tiến hành
nghiệm thu mô hình 1 dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi.

Các bên tham gia nghiệm thu gồm:

1/ Đại diện cơ quan chủ trì dự án (Sở KHCN&MT):

- Ông Nguyễn Đình Võ - Phó Giám đốc Sở - Chủ nhiệm dự án
- Ông Nguyễn Minh Tân - Phó Phòng Quản lý KHCN&MT

2/ Đại diện địa bàn triển khai dự án (Thị xã Bắc Ninh):

- Ông Trịnh Văn Phường - Phó Chủ tịch UBND thị xã
- Ông Ngô Thế Tâm - Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Thị xã
- Bà Nguyễn Thị Hương - Phó Phòng Nông nghiệp&PTNT

3/ Đại diện cơ quan CGCN (Trạm Cải tạo đất bạc màu-Viện Thổ nhưỡng NH):

- Ông Nguyễn Văn Đại - Phó Trạm trưởng
- Ông Nguyễn Quang Tuấn - Cán bộ kỹ thuật

4/ Đại diện Sở Tài chính Vật giá:

- Bà Hoàng Thị Hợp - Trưởng phòng Văn xã

II/ KẾT QUẢ CỦA MÔ HÌNH:

1) Thực hiện gieo trồng theo 3 cơ cấu trên 4 điểm sản xuất thuộc 3 xã với qui
mô 20ha/vụ (tổng dự án là 80ha). Thực tế đã gieo trồng 86,1 ha. Trong đó:

- Đậu tương xuân: 30,4ha, giống DT99 (vụ xuân 2000 và 2001)
- Lúa mùa sớm (năm 2000): 22,7ha, giống Khang Dân.
- Dưa hấu đông (năm 2000): 2ha
- Hành tây (năm 2000): 10ha, giống Nhật.
- Rau vụ đông-xuân (cải bắp) (năm 2000): 3ha
- Khoai tây (năm 2000): 5ha, giống Hà Lan.
- Đào cảnh (năm 2000 và 2001): ≈3ha (76,6 sào)
- Lúa mùa sớm năm 2001: 10ha giống DT122 và ĐV108

2) Kết quả sản xuất:

-Đậu tương xuân giống DT99, năng suất đạt 22 tạ/ha, tăng hơn so đối chứng 3 tạ/ha, thu nhập đạt 8,8 triệu đồng/ha.

-Lúa mùa sớm giống Khang Dân, năng suất 56 tạ/ha, thu nhập 1,8 triệu đồng/ha; Lúa mùa sớm giống DT122 năng suất 55 tạ/ha, gạo chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, giá trị quy đổi = 1,2 lần thóc tẻ khác (tương đương 66 tạ/ha).

-Dưa hấu đông năng suất 16,5 tấn/ha, thu nhập đạt 18,7 triệu đồng/ha

-Hành tây giống Nhật, năng suất 11,8 tấn/ha, thu nhập đạt 26,8 triệu đồng/ha

-Rau vụ đông-xuân (cải bắp...), năng suất 18 tấn/ha, thu nhập đạt 10,8 triệu đồng/ha

-Khoai tây giống Hà Lan, năng suất 12,5 tấn/ha, thu nhập đạt 17,5 triệu đồng/ha

-Đã nhận chuyển giao kỹ thuật trồng thử nghiệm 800 gốc đào cảnh (5 sào) nhằm đánh giá khả năng thích ứng của giống hoa có giá trị kinh tế cao trên đất Bắc Ninh làm cơ sở để phát triển vùng hoa của thị xã. Kết quả: đào phát triển tốt, thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng của Bắc Ninh; 5 hộ nông dân được tập huấn, hướng dẫn đã nắm chắc kỹ thuật trồng, chăm sóc và điều khiển sinh trưởng của đào cảnh; trên diện tích thử nghiệm vụ hoa năm 2000 tổng thu đạt trên 5 triệu đồng/sào/năm (≈ 130 triệu/ha). Năm 2001 đã mở rộng ra ≈ 3 ha, hơn 60 hộ nông dân được tập huấn nắm chắc kỹ thuật trồng đào cảnh.

Sau 4 vụ triển khai dự án, đánh giá: việc đưa giống cây mới, thay đổi cơ cấu cây trồng kết hợp với các biện pháp kỹ thuật thâm canh, mô hình chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá ở thị xã Bắc Ninh đã làm tăng đáng kể thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác:

-Cơ cấu 1 : Đậu tương xuân-lúa mùa sớm-dưa hấu đông-rau đông-xuân
Đạt 40,2 triệu đồng/ha/năm

-Cơ cấu 2: Đậu tương xuân-lúa mùa sớm-hành tây-rau đông-xuân
Đạt 48,3 triệu đồng/ha/năm

-Cơ cấu 3: Đậu tương xuân-lúa mùa sớm-khoai tây đông-rau đông-xuân
Đạt 39 triệu đồng/ha

-Cơ cấu 4: 1 loại cây đào cảnh và trồng xen hoa, rau đạt 120 triệu/ha/năm

Trên cơ sở kết quả mô hình, cơ quan chuyển giao công nghệ đã khuyến nghị và tổ chức hướng dẫn nhân rộng ra sản xuất, diện tích được thực hiện theo cơ cấu 2 ở khu vực thị xã Bắc Ninh hàng năm trên 100 ha, ở Gia Bình đã có 120 ha đậu tương được gieo trồng vào vụ đông và 145 ha gieo trồng vào vụ hè, tăng đáng kể khối lượng sản phẩm hàng hoá nông nghiệp và xác định được loại cây thích hợp cho phát triển vụ đông.

Cơ cấu 1, giống cây chủ lực là dưa hấu đông do điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, chất lượng ngày càng suy giảm không cạnh tranh nổi với các loại dưa từ miền Nam và Trung Quốc nên nông dân đã bỏ không trồng. Do vậy cơ cấu cây trồng ban đầu được duyệt theo dự án nay phải thay đổi cho thích hợp với thị trường và tập quán canh tác của dân.

3) Kết quả khoa học của mô hình:

-Đã tổ chức được 31 lớp tập huấn kỹ thuật cho 2118 lượt người nắm được các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng vụ, cải tạo và bảo vệ đất nông nghiệp.

-Đã xây dựng được quy trình kỹ thuật thâm canh cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá với 4 cơ cấu cây trồng thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng từng vùng canh tác, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn.

-Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyển giao công nghệ và đội ngũ kỹ thuật viên trên địa bàn, tiếp cận với các biện pháp kỹ thuật thâm canh mới, các loại giống cây trồng thích hợp để phát huy hiệu quả sản xuất; tạo ra đội ngũ cán bộ kỹ thuật nòng cốt cho chuyển giao, ứng dụng KTTB mới vào sản xuất nông nghiệp.

II/ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

-Tổng kinh phí ngân sách cấp cho mô hình: 350 triệu đồng

-Kinh phí đã nhận: 350 triệu đồng

-Kinh phí đã quyết toán: 350 triệu đồng

-Kinh phí huy động từ nhân dân: chủ yếu cho một phần giống, vật tư, phân bón và toàn bộ công lao động trong mô hình, trung bình nông dân phải tự bỏ ra 2/3 tổng vốn của dự án. Ước toàn bộ số vốn nhân dân tự bỏ ra để thực hiện dự án là ≈ 1 tỷ đồng.

III/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

-Các bên thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả mô hình do cơ quan chuyển giao công nghệ chuẩn bị. Tuy nhiên cần hoàn chỉnh lại báo cáo cho sát với yêu cầu mục tiêu Thuyết minh đã được duyệt; nêu được các khuyến nghị về mặt khoa học để nhân rộng mô hình.

-Đề nghị các cấp có thẩm quyền làm các thủ tục tiến hành các bước nghiệm thu cho dự án.

-Ý kiến khác:

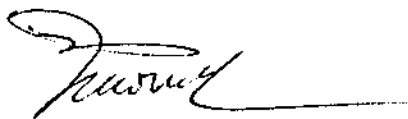
.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI



ĐẠI DIỆN SỞ KHCN&MT



ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CGCN



ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Mô hình 2 dự án “Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ
sản xuất mạ non tập trung nhằm nâng cao hiệu quả
sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh
và các xã thuộc huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh”

(Thuộc Chương trình Xây dựng các mô hình đưa KHCN
phục vụ phát triển KTXH NT&MN)

Hôm nay ngày 31 tháng 1 năm 2002, tại UBND xã Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn tiến hành nghiệm thu mô hình 2: *Áp dụng KTTB xây dựng mô hình sản xuất mạ non tập trung phục vụ sản xuất nông nghiệp tại xã Đồng Nguyên-huyện Từ Sơn của dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi.*

Các bên tham gia nghiệm thu gồm:

1/ Đại diện cơ quan chủ trì dự án (Sở KHCN&MT):

- Ông Nguyễn Đình Võ - Phó Giám đốc Sở - Chủ nhiệm dự án
- Ông Nguyễn Minh Tân - Phó Phòng Quản lý KHCN&MT

2/ Đại diện địa bàn triển khai dự án (Xã Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn):

- Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa - Phó Chủ tịch UBND xã Đồng Nguyên
- Ông Thang Văn Thống - Phó Chủ nhiệm HTX Đồng Nguyên
- Ông Nguyễn Mạnh Ngữ - Chủ hộ quản lý khu sản xuất

3/ Đại diện cơ quan CGCN (Viện Cơ điện Nông nghiệp):

- Thạc sĩ Vũ Đình Phiên - Cán bộ kỹ thuật
- Kỹ sư Nguyễn Văn Huệ - Cán bộ kỹ thuật

4/ Đại diện Sở Tài chính Vật giá:

- Bà Nguyễn Thị Minh - Phó phòng Văn xã

II/ KẾT QUẢ CỦA MÔ HÌNH:

1) Kết quả sản xuất:

- + Đã xây dựng xong khu sản xuất mạ non với diện tích 1.000m² (200m² nhà xưởng và 1.000m² sân bãi vườn ươm).
 - + Tiến hành tập huấn đào tạo KTV nắm vững quy trình sản xuất mạ non.
 - + Hoàn chỉnh hệ máy công cụ: máy nghiền đất, máy trộn, công cụ rải đất và gieo hạt, tưới mầm.
 - + Đã đầu tư hơn 10.200 khay nhựa để gieo mạ.
- Trong đó: Mua sắm: 5.200 khay
Thuê : 5.000 khay

-Việc áp dụng kỹ thuật sản xuất mạ non đã làm tăng năng suất lúa và bước đầu khẳng định khả năng phát triển của mô hình. Vụ xuân và vụ mùa năm 2000 làm thử nghiệm 9ha, giống lúa 9820 và Khang Dân năng suất đạt 73 tạ/ha/vụ, tăng 12% so với cấy mạ được. Vụ xuân năm 2001 sau khi được Bộ cấp tiếp kinh phí đợt 2 đã xúc tiến việc xây dựng hoàn thiện khu nhà xưởng phục vụ cho sản xuất. HTX đã giao cho 1 cán bộ khuyến nông của xã đầu tư thêm vốn (40 triệu đồng) để hình thành khu xưởng sản xuất mạ tập trung theo kiểu công nghiệp, chuyên sản xuất mạ khay cung cấp cho nông dân. Vụ xuân năm 2001 đã sản xuất hơn 1 vạn khay mạ đủ cung ứng cho trên 30ha ruộng cấy.

Hiệu quả từ phương thức sản xuất mạ khay đã bắt đầu hình thành tập quán sử dụng trong nông dân; nhu cầu mạ khay của nông dân trong khu vực khá cao, nhất là trong vụ chiêm xuân, quy mô hiện tại của nhà xưởng không thể đáp ứng; chính quyền địa phương đã tạo điều kiện giao đất và hỗ trợ dự án 2.000 khay nhựa trị giá 20 triệu đồng.

Hiện nay, năng lực sản xuất của xưởng có khả năng đảm bảo cung cấp đủ mạ cho từ 30ha-50ha ruộng cấy. Ngoài ra mô hình đã tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân các xã trong vùng với hàng trăm ha lúa cấy áp dụng công nghệ mạ non gieo trên khay hoặc trên nền đất cứng.

Kết quả trên đã khẳng định tính ưu việt của phương pháp làm mạ non, đáp ứng yêu cầu thời vụ và thời tiết khó khăn do rét đậm thường xảy ra vào vụ xuân, chống chuột hại và cho năng suất cao.

2) Kết quả khoa học của mô hình:

-Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho 10 lao động tham gia sản xuất tại xưởng và tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho hàng trăm hộ nông dân ở các xã (Đình Bảng, Tân Hồng, Đồng Quang...) biết và áp dụng kỹ thuật làm mạ non cung cấp cho hàng trăm ha ruộng cấy.

-Đã xây dựng được quy trình kỹ thuật làm mạ khay phù hợp với quy mô và điều kiện canh tác của địa phương, góp phần đưa kỹ thuật mới vào sản xuất.

-Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyển giao công nghệ và đội ngũ kỹ thuật viên trên địa bàn, tiếp cận với các biện pháp kỹ thuật thâm canh mới để phát huy hiệu quả sản xuất.

III/ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

-Tổng kinh phí ngân sách cấp cho mô hình: 170 triệu đồng

-Kinh phí đã nhận: 170 triệu đồng

-Kinh phí đã quyết toán: 170 triệu đồng

-Kinh phí huy động từ nhân dân: 40 triệu đồng

-Kinh phí hỗ trợ của huyện và xã: 30 triệu đồng

III/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

-Các bên thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả mô hình do cơ quan chuyển giao công nghệ chuẩn bị. Tuy nhiên cần hoàn chỉnh lại báo cáo cho sát với yêu cầu mục tiêu Thuyết minh đã được duyệt; nêu được các biện pháp kỹ thuật để nhân rộng mô hình.

-Đề nghị các cấp có thẩm quyền làm các thủ tục tiến hành các bước nghiệm thu cho dự án.

-Ý kiến khác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN ĐIA BÀN TRIỂN KHAI

ĐẠI DIỆN SỞ KHCHN&MT

Nguyễn Truân Nghĩa

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CGCN

Nguyễn Đình Võ

ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH

Vũ Anh Phấn

Tô Ngọc - Thị Mối

Nguyễn Mạnh Ngưu

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ SẢN XUẤT MẠ KHAY

Viện Cơ Điện Nông nghiệp được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Ninh ký hợp đồng giao cho thực hiện "Xây dựng mô hình sản xuất mạ khay" là mô hình thứ 2 của dự án "Xây dựng mô hình thâm canh tăng vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại 3 xã vùng ven thị xã Bắc Ninh và xã Đông Nguyên, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh".

Dự án đã kết thúc vào cuối năm 2001, Viện Cơ Điện Nông nghiệp đã xây dựng được mô hình sản xuất mạ khay tại xã Đông Nguyên, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, gồm một lán xường 200 m², một khu ruộng nuôi mạ 800 m² và một hệ thiết bị máy móc sản xuất mạ khay kiểu công nghiệp.

Hệ thiết bị máy móc sản xuất mạ khay được dự án trang bị cho mô hình gồm 9 mục chính theo bảng kèm sau.

Dưới sự chỉ đạo của HTXã Đông Nguyên, ông Nguyễn Mạnh Ngũ, cán bộ kỹ thuật của HTXã được giao quản lý điều hành mô hình với hệ thiết bị trên để sản xuất mạ khay phục vụ nông dân trong vùng.

Thay mặt Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bắc Ninh, Viện Cơ Điện Nông nghiệp bàn giao hệ thiết bị máy móc sản xuất mạ khay trên cho HTXã Đông Nguyên và ông Nguyễn Mạnh Ngũ.

Ngày 2 tháng 2 năm 2002



Bên nhận
HTXã Đông Nguyên
Chủ nhiệm
Nguyễn Quang Bình

CHỦ TỊCH
Đào Công Luận

Quản lý mô hình
Nguyễn Mạnh Ngũ

Bên giao



TSKH. Bạch Quốc Khang

THIẾT BỊ SẢN XUẤT MẠ KHAY GIAO CHO HTXÃ ĐỒNG NGUYÊN
(ngoài ra còn các thiết bị phụ không ghi vào đây)

TT	Tên và công dụng thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
1	Máy nghiền đất bột - nghiền đất thành bột rải vào khay nhựa nuôi mạ.	Chạy động cơ điện 5,5kW. Công suất nghiền: 1,0 tấn đất/giờ (350 - 400 khay mạ/giờ).	1 máy
2	Máy trộn phân vào đất - trộn phân vô cơ, phụ phẩm (mùn cưa, vỏ trấu, ...) vào đất bột nuôi mạ.	Chạy động cơ điện 0,75 kW. Công suất trộn: 0,5 tấn đất/giờ (250 khay mạ/giờ)	1 máy
3	Công cụ và hệ đường ray rải đất bột vào khay nhựa nuôi mạ.	Một người đẩy công cụ trên ray. Công suất: 1.000-1.500 khay mạ/giờ	1 bộ
4	Công cụ và hệ đường ray gieo mống vào khay nhựa nuôi mạ.	-III-	1 bộ
5	Máy tưới phun mạ - phun nước sạch (từ giếng khoan, từ sông mương nước chảy) tưới mống khi gieo và tưới mạ ở ngoài đồng.	Bơm cao áp và hệ vòi phun chạy điện 0,3 kW.	1 bộ
6	Khay nhựa nuôi mạ	Kích thước lòng khay: 58 x 23 x 3 cm	5.300 cái
7	Cân bàn	500 kg	1 cái
8	Cân đồng hồ	6 kg	1 cái
9	Bể xử lý hạt	Khung bể bằng ống thép mạ kẽm với bạt lót trong, 1 m ³ .	3 cái

Ngày 2 tháng 2 năm 2002

Bên nhận
HTXã Đồng Nguyên
Chủ nhiệm
Nguyễn Quang Bình

Bên giao
Viện Cơ Điện Nông nghiệp



CHỦ TỊCH
Đào Công Luận

Quản lý mô hình
Nguyễn Mạnh Ngũ



TSKH. Bạch Quốc Khang